

Số: 60/2018/QĐST-HNGĐ

Chủ Sê, ngày 24 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã R, huyện P, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh Đ; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Trần S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ia R, huyện P, tỉnh Gia Lai;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.- Về tài sản chung:

Tài sản chung của ông Trần S và bà Hồ Thị H gồm:

- 9959 m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 26, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai. (Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 592617 do Uỷ ban nhân dân huyện S, tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/02/2009 mang tên Ông Trần S và bà Hồ Thị H). Đất có vị trí tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phan Văn H dài 48m, phía Tây giáp đất Romah H dài 48m, phía Nam giáp đất ông Lương Khắc S dài 204m, phía Bắc giáp đất ông Võ Đình D dài 208m (15.400đ/m²), trị giá: 153.368.600đ (Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

- Tài sản trên đất có 970 cây cà phê kinh doanh năm thứ 16 (320.000.đ/cây), trị giá: 310.400.000đ (Ba trăm mười triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản: 463.768.600đ (Bốn trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Các đương sự thống nhất chia tài sản chung của ông S và bà H như sau:

- Bà Hồ Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 5003,5 m² (15.400đ/m²), trị giá: 77.053.900 đ (Bảy mươi bảy triệu không trăm năm mươi ba ngàn chín trăm đồng).

Vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn H dài 24 m

Phía Tây giáp đất ông Romah H dài 24 m

Phía Bắc giáp đất ông Võ Đình D dài 208 m

Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Trần S

Bà H được quyền sở hữu tài sản trên đất là 458 cây cà phê kinh doanh năm thứ 16 (320.000 đồng/01 cây), trị giá 146.560.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tổng trị giá tài sản bà H được hưởng là: 223.613.900 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm mười ba ngàn chín trăm đồng).

- Ông Trần S được quyền sử dụng diện tích đất 4955,5 m² (15.400đ/m²), trị giá 76.314.700 đồng (Bảy mươi sáu triệu ba trăm mười bốn ngàn bảy trăm đồng).

Vị trí tứ cận:

Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn H dài 24m

Phía Tây giáp đất ông Romah H dài 24 m

Phía Nam giáp đất ông Lương Khắc S dài 204m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H

Ông S được quyền sở hữu tài sản trên đất là 512 cây cà phê kinh doanh năm thứ 16 (320.000 đồng/01 cây), trị giá: 163.840.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản mà ông Trần S được nhận là: 240.154.700đ (Hai trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm đồng).

- Ông Trần S và bà Hồ Thị H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2 – *Về chi phí định giá tài sản*: Chi phí định giá tài sản là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), các đương sự thống nhất thỏa thuận nguyên đơn bà Hồ Thị H chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản. Bà H đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nay chuyển thành chi phí định giá tài sản.

2.3 - *Về án phí*: Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng là 5.590.347đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng) {(223.613.900 đ x 5 %): 2}, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0001659 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, bà H còn phải nộp 1.840.347 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng); Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài

sản được hưởng là 6.003.867đ (Sáu triệu không trăm lẻ ba ngàn tám trăm sáu mươi bảy đồng) {(240.154.700đ x 5 %): 2} để sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Dậu